

TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Số: *MO* /TĐBV-QLHD
V/v: Công bố Điều lệ và Quy
chế quản trị

Hà Nội, ngày *15* tháng *01* năm 2016

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK TP. HCM**


**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh**

1. Công ty: Tập đoàn Bảo Việt
2. Mã chứng khoán: BVH
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 8, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
4. Điện thoại: (84-4) 3928 9999
5. Fax: (84-4) 3928 9609
6. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Quang Phi
7. Chức vụ: Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt
8. Điện thoại cơ quan: (+84-4) 3928 9999
9. Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ
10. Nội dung thông tin công bố:

Công bố Điều lệ của Tập đoàn Bảo Việt (sửa đổi, bổ sung lần thứ 6) và Quy chế Quản trị của Tập đoàn Bảo Việt theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính

11. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn Bảo Việt vào ngày 15/01/2016 tại đường dẫn:

<http://baoviet.com.vn/Quan-he-co-dong/Cong-bo-thong-tin/ArticleList/42/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TTHH.



Nguyễn Quang Phi

TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



QUY CHẾ QUẢN TRỊ CỦA TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

(Được ban hành kèm theo Quyết định số: 109/2016/QĐ-HĐQT

Ngày 15 tháng 01 năm 2016 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt)



MỤC LỤC

| | |
|---|----|
| CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG | 4 |
| Điều 1. Mục đích, đối tượng điều chỉnh và phạm vi áp dụng | 4 |
| Điều 2. Giải thích từ ngữ..... | 4 |
| Điều 3. Nguyên tắc quản trị công ty..... | 6 |
| CHƯƠNG II. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG | 6 |
| Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông | 6 |
| Điều 5. Trách nhiệm của cổ đông lớn..... | 7 |
| Điều 6. Đại hội đồng cổ đông..... | 7 |
| Điều 7. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường | 7 |
| Điều 8. Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên | 9 |
| Điều 9. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên | 9 |
| Điều 10. Tham dự Đại hội đồng cổ đông của kiểm toán viên độc lập..... | 9 |
| CHƯƠNG III. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 10 |
| Điều 11. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị | 10 |
| Điều 12. Tư cách thành viên Hội đồng Quản trị | 11 |
| Điều 13. Thành phần Hội đồng Quản trị..... | 11 |
| Điều 14. Quyền của thành viên Hội đồng Quản trị..... | 12 |
| Điều 15. Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị | 12 |
| Điều 16. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị..... | 12 |
| Điều 17. Họp Hội đồng Quản trị | 14 |
| Điều 18. Thù lao của Hội đồng Quản trị..... | 14 |
| Điều 19. Các Ủy ban của Hội đồng Quản trị..... | 15 |

| | |
|--|----|
| CHƯƠNG IV. KIỂM SOÁT VIÊN VÀ BAN KIỂM SOÁT | 15 |
| Điều 20. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên..... | 15 |
| Điều 21. Tư cách Kiểm soát viên..... | 15 |
| Điều 22. Thành phần Ban Kiểm soát | 16 |
| Điều 23. Quyền tiếp cận thông tin của Kiểm soát viên..... | 16 |
| Điều 24. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát..... | 16 |
| Điều 25. Thù lao của Ban Kiểm soát | 17 |
| CHƯƠNG V. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ..... | 17 |
| THƯ KÝ CÔNG TY | 17 |
| Điều 26. Tổ chức bộ máy quản lý | 17 |
| Điều 27. Cán bộ quản lý..... | 17 |
| Điều 28. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc | 18 |
| Điều 29. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng Giám đốc..... | 18 |
| Điều 30. Thư ký Công ty | 18 |
| CHƯƠNG VI. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY ĐỐI VỚI CÔNG TY CON VÀ DOANH NGHIỆP CÓ VỐN GÓP CỦA CÔNG TY | 19 |
| Điều 31. Quyền của Công ty..... | 19 |
| Điều 32. Phương thức thực hiện quyền của Công ty | 19 |
| Điều 33. Phân công, phân cấp thực hiện quyền và trách nhiệm của Công ty trong quan hệ với các Công ty con, Doanh nghiệp có vốn góp của Công ty..... | 20 |
| Điều 34. Quyền, trách nhiệm của Hội đồng Quản trị..... | 20 |
| Điều 35. Quyền, trách nhiệm của Tổng Giám đốc..... | 21 |
| Điều 36. Quyền, trách nhiệm của Người đại diện vốn tại Công ty con do Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ..... | 22 |
| Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Người đại diện vốn tại Công ty con do Công ty sở hữu dưới 100% vốn điều lệ và Doanh nghiệp có vốn góp của Công ty..... | 22 |

| | |
|--|----|
| Điều 38. Phối hợp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động trong Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt | 23 |
| CHƯƠNG VII. KIỂM SOÁT NỘI BỘ | 24 |
| Điều 39. Hệ thống Kiểm soát nội bộ..... | 24 |
| Điều 40. Nguyên tắc kiểm soát nội bộ | 24 |
| Điều 41. Kiểm toán nội bộ..... | 25 |
| CHƯƠNG VIII. NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH | 26 |
| Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác | 26 |
| Điều 43. Giao dịch với người có liên quan..... | 27 |
| Điều 44. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty | 27 |
| Điều 45. Đào tạo về quản trị Công ty..... | 27 |
| CHƯƠNG IX. BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN | 28 |
| Điều 46. Nghĩa vụ công bố thông tin | 28 |
| Điều 47. Công bố thông tin về quản trị Công ty..... | 28 |
| Điều 48. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc | 28 |
| CHƯƠNG X. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH | 29 |
| Điều 49. Hiệu lực của Quy chế..... | 29 |

26

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích, đối tượng điều chỉnh và phạm vi áp dụng

1. Quy chế này được xây dựng và ban hành theo yêu cầu hiện hành của pháp luật về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng, đồng thời cân nhắc và áp dụng các thông lệ tốt được chấp nhận rộng rãi trên thế giới về quản trị công ty phù hợp với điều kiện tại Công ty và môi trường kinh doanh tại Việt Nam.

Quy chế này được ban hành với mục đích nhằm thực thi một chính sách rõ ràng về Quản trị công ty và đảm bảo sự phát triển bền vững và minh bạch của Công ty. Quy chế này quy định (i) những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông; (ii) thẩm quyền, nghĩa vụ của cán bộ quản lý, điều hành Công ty; (iii) quy định về việc quản trị của Công ty đối với doanh nghiệp có vốn góp của Công ty; (iv) thiết lập những chuẩn mực về hành vi của Người quản lý Công ty, Ban Kiểm soát và (v) quy định về việc kiểm soát nội bộ của Công ty.

2. Quy chế được áp dụng đối với các đối tượng là cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Cán bộ quản lý, Người đại diện vốn của Công ty và các Công ty con do Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Công ty là Tập đoàn Bảo Việt.

Công ty con là công ty hạch toán độc lập do Công ty: (i) sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành của công ty đó; (ii) có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm, miễn nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của Công ty đó; (iii) có quyền quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó.

Cán bộ quản lý là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc Khối, Kế toán trưởng Công ty và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.

Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.

Cổ đông sáng lập là Cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập Công ty.

Cổ đông lớn là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

Cơ quan Nhà nước là bất kỳ và toàn bộ các cơ quan sau đây của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam: Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Văn phòng Chính phủ, các Bộ, Tổng cục, Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, ban ngành hay đơn vị của các đối tượng trên, và bất kỳ và tất cả các ủy ban, bộ trưởng, hội đồng, cơ quan hay quan chức khác mà theo ý kiến của Công ty thì sự chấp thuận, phê duyệt, đăng ký, cam kết, tham gia hay xin ý kiến của họ là cần thiết hoặc nên có cho bất kỳ việc hay vấn đề gì được nêu hay dự liệu trong Quy chế này.

Hội đồng Quản trị là Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt.

Tổng Giám đốc là Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt.

Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.

Luật Chứng khoán là Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 và được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.

Người đại diện vốn là người đại diện theo ủy quyền, được Công ty cử làm đại diện một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty, thay mặt Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty với tư cách là Chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn theo quy định của pháp luật và của Công ty.

Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17, Điều 4 Luật Doanh nghiệp và Khoản 34, Điều 6 Luật Chứng khoán.

Người quản lý công ty bao gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc Khối/Trung tâm/Chi nhánh (và tương đương), Kế toán trưởng và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty.

Pháp luật là tất cả các hiến pháp, hiệp ước, lệnh, luật, bộ luật, pháp lệnh, nghị định, nghị quyết, quyết định, quy chế, thông tư và các văn bản khác có hiệu lực pháp luật do Cơ quan Nhà nước ban hành, được áp dụng cho Công ty bao gồm cả Quyết định số 310/2005/QĐ/TTg ngày 28/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 945/2007/QĐ-BTC ngày 07/3/2007 của Bộ Tài chính và được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.



2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Điều 3. Nguyên tắc quản trị công ty

1. Quản trị công ty là những biện pháp nội bộ để điều hành và kiểm soát Công ty, liên quan tới các mối quan hệ giữa Bộ máy điều hành, Hội đồng Quản trị và các cổ đông của Công ty với các bên có quyền lợi liên quan. Quản trị công ty nhằm tạo ra một cơ chế và quá trình để đề ra các mục tiêu của Công ty và xác định các phương tiện để đạt những mục tiêu đó, cũng như để giám sát kết quả hoạt động của Công ty một cách hiệu quả.

2. Các nguyên tắc quản trị Công ty bao gồm:

- Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
- Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty;
- Minh bạch trong hoạt động của Công ty;
- Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát Công ty có hiệu quả.

CHƯƠNG II. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

1. Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty. Trong đó, cổ đông có một số quyền quan trọng như sau:

a) Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong sổ cổ đông của Công ty, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

b) Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được Đại hội đồng

cổ đông thông qua;

c) Quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Công ty;

d) Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

đ) Quyền được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty.

2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng Quản trị vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị hủy quyết định đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các quyết định vi phạm pháp luật gây tổn hại tới Công ty thì Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật.

Điều 5. Trách nhiệm của cổ đông lớn

1. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền, lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác.

2. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông của Công ty gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông của Công ty có các quyền và nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

Điều 7. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường

1. Hội đồng Quản trị xây dựng và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quy định về trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, gồm các nội dung chính sau:

a) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông;

c) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;

d) Cách thức bỏ phiếu;

đ) Cách thức kiểm phiếu, đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu;

e) Thông báo kết quả kiểm phiếu;

g) Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

h) Lập biên bản Đại hội đồng cổ đông;

i) Thông báo quyết định Đại hội đồng cổ đông ra công chúng;

k) Các vấn đề khác.

2. Công ty tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty. Công ty công bố thông tin về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu mười (10) ngày làm việc trước ngày chốt danh sách. Công ty không hạn chế cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông. Công ty tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện việc ủy quyền đại diện tham gia Đại hội đồng cổ đông hoặc bỏ phiếu bằng thư bảo đảm khi cổ đông có yêu cầu. Công ty phải hướng dẫn thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông theo quy định.

3. Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập Đại hội đồng cổ đông sắp xếp chương trình nghị sự, bố trí địa điểm và thời gian họp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Công ty cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông bỏ phiếu từ xa, biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

5. Hàng năm Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

6. Công ty quy định trong Điều lệ Công ty các nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, Công ty phải đảm bảo gửi, công bố

đầy đủ tài liệu và đảm bảo thời gian hợp lý cho các cổ đông xem xét tài liệu trước khi gửi phiếu biểu quyết như trường hợp tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 8. Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

- Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm tài chính;
- Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị;
- Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và các quyết định của Hội đồng Quản trị;
- Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc;
- Kết quả giám sát đối với các cán bộ quản lý khác;
- Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 9. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

- Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát và từng Kiểm soát viên;
- Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các quyết định của Ban Kiểm soát;
- Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty;
- Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác;
- Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

Điều 10. Tham dự Đại hội đồng cổ đông của kiểm toán viên độc lập

Kiểm toán viên hoặc đại diện của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty phải được mời dự họp Đại hội đồng cổ đông

thường niên để phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề liên quan đến Báo cáo tài chính năm trong trường hợp Báo cáo kiểm toán có các khoản ngoại trừ trọng yếu.

CHƯƠNG III. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng Quản trị (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được công bố tối thiểu bảy (07) ngày trước ngày triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng Quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:

- Họ tên, ngày tháng năm sinh;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Tên các đơn vị doanh nghiệp mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị và các chức danh quản lý khác (nếu có);
- Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- Các thông tin khác (nếu có).

2. Các ứng viên Hội đồng Quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị.

3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị. Việc đề cử ứng viên Hội đồng Quản trị mà các cổ đông sau khi gộp số quyền biểu quyết có quyền đề cử phải tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ và quy định nội bộ của

Công ty. Cơ chế Hội đồng Quản trị đương nhiệm đề cử ứng viên Hội đồng Quản trị được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

5. Công ty quy định và hướng dẫn cụ thể cho cổ đông việc bỏ phiếu bầu thành viên Hội đồng Quản trị theo phương thức dồn phiếu.

Điều 12. Tư cách thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị là những người không thuộc đối tượng mà pháp luật và Điều lệ Công ty cấm làm thành viên Hội đồng Quản trị. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

2. Công ty cần hạn chế thành viên Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm các chức danh quản lý trong bộ máy điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng Quản trị theo quy định.

Điều 13. Thành phần Hội đồng Quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị có từ bảy (07) đến mười một (11) người, số lượng cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Cơ cấu Hội đồng Quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính và lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng Quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên kiêm điều hành và các thành viên không điều hành cũng như đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên nắm giữ chức danh điều hành với các thành viên độc lập theo quy định của Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị của trên năm (05) Công ty khác, trừ trường hợp là thành viên Hội đồng Quản trị của các Công ty trong cùng Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt hoặc là người đại diện của công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán.

4. Trong trường hợp một thành viên bị mất tư cách thành viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, bị cách chức, miễn nhiệm hoặc vì một lý do nào đó không thể tiếp tục làm thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó.



Điều 14. Quyền của thành viên Hội đồng Quản trị

Thành viên Hội đồng Quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, đặc biệt là quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

Điều 15. Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của cổ đông và của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.

4. Thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm công bố cho Công ty các khoản thù lao theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty.

5. Các thành viên Hội đồng Quản trị và những người có liên quan khi thực hiện giao dịch cổ phần của Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thực hiện công bố thông tin về việc giao dịch này theo quy định của pháp luật.

6. Công ty có thể mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho các thành viên Hội đồng Quản trị sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 16. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty.

2. Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm trước các cổ đông về hoạt động của Công ty.

3. Hội đồng Quản trị đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty.

4. Hội đồng Quản trị xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị và trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng Quản trị gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị:

- Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng Quản trị;
- Cách thức đề cử người và ứng cử vào vị trí thành viên Hội đồng Quản trị của cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Cách thức bầu thành viên Hội đồng Quản trị;
- Các trường hợp miễn nhiệm hay bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị;
- Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị.

b) Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng Quản trị:

- Thông báo họp Hội đồng Quản trị (gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm, các tài liệu liên quan và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng Quản trị không thể dự họp);

- Điều kiện tổ chức họp Hội đồng Quản trị;
- Cách thức biểu quyết;
- Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng Quản trị;
- Ghi biên bản họp Hội đồng Quản trị;
- Thông báo nghị quyết Hội đồng Quản trị.

5. Hội đồng Quản trị xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý và quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị với Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc, gồm các nội dung chính sau đây:

a) Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao:

- Các tiêu chuẩn để lựa chọn cán bộ quản lý cấp cao;
- Việc bổ nhiệm cán bộ quản lý cấp cao;
- Ký hợp đồng lao động với cán bộ quản lý cấp cao;
- Các trường hợp miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao;
- Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao.

b) Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc:

- Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết

quả họp giữa Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc;

- Thông báo nghị quyết của Hội đồng Quản trị cho Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc;

- Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng Quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng Quản trị;

- Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng Quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao;

- Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề uỷ quyền khác của Hội đồng Quản trị đối với Tổng Giám đốc;

- Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;

- Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng Quản trị, các Kiểm soát viên và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.

6. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

7. Hội đồng Quản trị báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 8 Quy chế này.

Điều 17. Họp Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị tổ chức họp theo đúng trình tự được quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ của Công ty. Việc tổ chức họp Hội đồng Quản trị, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên Hội đồng Quản trị theo đúng thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Biên bản họp Hội đồng Quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký/Người ghi biên bản họp và các thành viên Hội đồng Quản trị tham gia vào phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng Quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 18. Thù lao của Hội đồng Quản trị

1. Thù lao của Hội đồng Quản trị được Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm và được công bố theo quy định.

2. Trường hợp thành viên Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm chức danh trong

bộ máy điều hành của Công ty và các Công ty con thì thù lao được công bố phải bao gồm các khoản lương, thưởng gắn với chức danh điều hành và các khoản thù lao khác.

3. Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí do Công ty thanh toán, cấp cho từng thành viên Hội đồng Quản trị được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty.

Điều 19. Các Ủy ban của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị thành lập các Ủy ban có chức năng tư vấn, tham mưu và hỗ trợ hoạt động của Hội đồng Quản trị. Thành viên của Ủy ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng Quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

2. Hội đồng Quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các Ủy ban và trách nhiệm của từng thành viên.

CHƯƠNG IV. KIỂM SOÁT VIÊN VÀ BAN KIỂM SOÁT

Điều 20. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

Trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác, việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự việc ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị được quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 5 Điều 11 Quy chế này.

Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định của Công ty. Cơ chế đề cử của Ban Kiểm soát đương nhiệm được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 21. Tư cách Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên là những người không thuộc đối tượng mà pháp luật và Điều lệ Công ty cấm làm Kiểm soát viên. Kiểm soát viên phải là người có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm. Kiểm soát viên có thể không phải là cổ đông của Công ty.

2. Kiểm soát viên không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

Điều 22. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng Kiểm soát viên ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là năm (05) người, số lượng cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc Kế toán viên.

2. Trưởng Ban Kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.

Điều 23. Quyền tiếp cận thông tin của Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của các Kiểm soát viên.

2. Công ty xây dựng cơ chế nhằm hỗ trợ Kiểm soát viên hoạt động và thực thi nhiệm vụ một cách có hiệu quả theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 24. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trước cổ đông của Công ty về các hoạt động giám sát của mình. Ban Kiểm soát có trách nhiệm giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Công ty và cổ đông.

2. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là ba phần tư (3/4) số Kiểm soát viên. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

3. Trong các cuộc họp của Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Khối Kiểm toán nội bộ và kiểm toán viên độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm.

4. Trường hợp Ban Kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với

Hội đồng Quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. Sau thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày ra thông báo nêu trên, nếu người có hành vi vi phạm không chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trực tiếp với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về vấn đề này.

5. Ban Kiểm soát có quyền lựa chọn và đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

6. Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

Điều 25. Thù lao của Ban Kiểm soát

1. Hàng năm các Kiểm soát viên được hưởng thù lao cho việc thực hiện nghĩa vụ của Ban Kiểm soát. Thù lao cho các Kiểm soát viên được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức phí hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

3. Tổng số thù lao, các khoản lợi ích khác cũng như chi phí mà Công ty đã thanh toán, cấp cho từng Kiểm soát viên được công bố trong Báo cáo thường niên của Công ty và cho các cổ đông.

CHƯƠNG V. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 26. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng Quản trị. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc (hoặc các Giám đốc Khối/Trung tâm/Chi nhánh) và một Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh trên phải được Hội đồng Quản trị quyết định một cách hợp thức.

Điều 27. Cán bộ quản lý

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng

Quản trị, Công ty được tuyển dụng Cán bộ quản lý cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Công ty do Hội đồng Quản trị quyết định tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định.

3. Công ty quy định cụ thể trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Cán bộ quản lý của Công ty.

Điều 28. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc

1. Hội đồng Quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng Quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc và ký hợp đồng theo quy định tại Điều 31 Điều lệ Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.

Điều 29. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc có nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế này và các quy định nội bộ khác của Công ty.

Điều 30. Thư ký Công ty

Chủ tịch Hội đồng Quản trị chỉ định/tuyển dụng một (01) hay nhiều người làm Thư ký Công ty để hỗ trợ Hội đồng Quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định Pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng Quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

1. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát.

2. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.

3. Tham dự cuộc họp.

4. Làm biên bản các cuộc họp.

5. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với Pháp luật.

6. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

7. Các nội dung khác theo quy định Pháp luật.

Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VI. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY ĐỐI VỚI CÔNG TY CON VÀ DOANH NGHIỆP CÓ VỐN GÓP CỦA CÔNG TY

Điều 31. Quyền của Công ty

Công ty là Chủ sở hữu của các Công ty con do Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ và là chủ sở hữu phần vốn góp của Công ty tại Công ty con và Doanh nghiệp có vốn góp của Công ty theo quy định của pháp luật, quy định nội bộ của Công ty, Điều lệ Công ty con, Điều lệ Doanh nghiệp có vốn góp của Công ty và các quy định khác có liên quan.

Điều 32. Phương thức thực hiện quyền của Công ty

Công ty và các Công ty con và Doanh nghiệp có vốn góp của Công ty là các đơn vị độc lập về tư cách pháp nhân.

Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình với tư cách là Chủ sở hữu, cổ đông hoặc thành viên góp vốn trong quan hệ với Công ty con và Doanh nghiệp có vốn góp của Công ty theo quy định của pháp luật, Quy chế này và các quy định khác có liên quan, cụ thể:

1. Đối với Công ty con do Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ:

a) Công ty là Chủ sở hữu của Công ty con do Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ;

b) Công ty thực hiện quyền Chủ sở hữu theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Điều lệ Công ty con do Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ, Quy chế này và các quy định khác có liên quan và thông qua Người đại diện vốn để thực hiện các quyền Chủ sở hữu của Công ty.

2. Đối với Công ty con do Công ty sở hữu dưới 100% vốn điều lệ: Công ty thực hiện quyền của cổ đông, thành viên góp vốn thông qua Người đại diện vốn của Công ty tại Công ty con theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty con đó và các quy định khác có liên quan.



3. Đối với Doanh nghiệp có vốn góp của Công ty: Công ty cử Người đại diện vốn quản lý phần vốn góp hoặc trực tiếp thực hiện quyền của cổ đông hoặc thành viên góp vốn theo quy định của pháp luật, Quy chế này, Điều lệ Doanh nghiệp có vốn góp của Công ty và các quy định khác có liên quan.

Điều 33. Phân công, phân cấp thực hiện quyền và trách nhiệm của Công ty trong quan hệ với các Công ty con, Doanh nghiệp có vốn góp của Công ty

Quyền và trách nhiệm của Công ty trong quan hệ với các Công ty con, Doanh nghiệp có vốn góp của Công ty được phân công và phân cấp giữa:

1. Hội đồng Quản trị;
2. Tổng Giám đốc;
3. Người đại diện vốn.

Điều 34. Quyền, trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

1. Trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty với tư cách Chủ sở hữu, cổ đông hoặc thành viên góp vốn trong quan hệ với Công ty con và Doanh nghiệp khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, các quy định nội bộ của Công ty, Điều lệ Công ty con, Điều lệ Doanh nghiệp có vốn góp của Công ty và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Quyết định phân cấp, ủy quyền cho Tổng Giám đốc trong việc nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình với tư cách Chủ sở hữu, cổ đông hoặc thành viên góp vốn trong quan hệ với Công ty con và Doanh nghiệp có vốn góp của Công ty.

3. Quyết định cử, bổ nhiệm thay thế Người đại diện vốn; quyết định phân cấp, ủy quyền cho Người đại diện vốn quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu, cổ đông hoặc thành viên góp vốn trong quan hệ với Công ty con và Doanh nghiệp có vốn góp của Công ty trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc.

4. Giám sát việc tổ chức triển khai các quyết định, nghị quyết và chính sách của Công ty do Hội đồng Quản trị ban hành.

5. Trong phạm vi thẩm quyền, ban hành các Quy chế, Quy định của Công ty để cụ thể hóa việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu, cổ đông hoặc thành viên góp vốn của Công ty trong quan hệ với Công ty con và Doanh nghiệp có vốn góp của Công ty.

6. Các quyền khác theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, Điều lệ Công ty con và Điều lệ Doanh nghiệp có vốn góp của Công ty, Quy chế này và các quy định khác có liên quan.

Điều 35. Quyền, trách nhiệm của Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, chịu trách nhiệm điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty nhằm thực hiện quyền và trách nhiệm của Chủ sở hữu, cổ đông hoặc thành viên góp vốn trong quan hệ với Công ty con và Doanh nghiệp có vốn góp của Công ty.

2. Theo phân cấp, ủy quyền của Hội đồng Quản trị, quyết định đối với những nội dung thuộc quyền và trách nhiệm của Chủ sở hữu, cổ đông hoặc thành viên góp vốn trong quan hệ với Công ty con và Doanh nghiệp có vốn góp của Công ty.

3. Chịu trách nhiệm tổ chức, đôn đốc, chỉ đạo và giám sát Công ty con do Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ và Người đại diện vốn thực hiện các nghị quyết, quyết định của Công ty nhằm thực hiện quyền của Chủ sở hữu, cổ đông hoặc thành viên góp vốn của Công ty trong quan hệ với Công ty con và các Doanh nghiệp có vốn góp của Công ty.

4. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị trong tổ chức đôn đốc, chỉ đạo Người đại diện vốn triển khai thực hiện các mục tiêu chiến lược, kế hoạch kinh doanh của Công ty tại Công ty con và các Doanh nghiệp có vốn góp của Công ty nhằm bảo toàn, phát triển vốn, nâng cao hiệu quả kinh doanh, phối hợp sử dụng hiệu quả các nguồn lực của các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt.

5. Chịu trách nhiệm đánh giá kết quả hoạt động của Người đại diện vốn và quyết định theo thẩm quyền hoặc đề xuất với Hội đồng Quản trị trong việc đề cử, bổ nhiệm thay thế Người đại diện vốn.

6. Trong phạm vi thẩm quyền, quyết định phân cấp và ủy quyền cho các Phó Tổng Giám đốc hoặc các Giám đốc Khối/Trung tâm/Chi nhánh tổ chức triển khai công việc nhằm thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty với tư cách Chủ sở hữu, cổ đông hoặc thành viên góp vốn tại Công ty con và Doanh nghiệp có vốn góp của Công ty.

7. Trong phạm vi thẩm quyền, ban hành các Quy chế, Quy định của Công ty để cụ thể hóa việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu, cổ đông hoặc thành viên góp vốn của Công ty trong quan hệ với Công ty con và Doanh nghiệp

có vốn góp của Công ty.

8. Các quyền, trách nhiệm khác theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, Điều lệ Công ty con và Doanh nghiệp có vốn góp của Công ty, Quy chế này và các quy định khác có liên quan.

Điều 36. Quyền, trách nhiệm của Người đại diện vốn tại Công ty con do Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ

1. Tham gia Hội đồng thành viên Công ty con để nhân danh Công ty (với tư cách Chủ sở hữu của Công ty con) tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty tại Công ty con và nhân danh Công ty con thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty con, quyết định phân cấp, ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty con thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty con.

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Công ty về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo các quy định pháp luật, quy định nội bộ liên quan của Công ty và quy định tại Điều lệ Công ty con.

3. Chịu trách nhiệm tổ chức triển khai chiến lược, nghị quyết, quyết định của Công ty (với vai trò là Chủ sở hữu) tại Công ty con.

4. Đề xuất để Công ty xem xét quyết định những nội dung thuộc quyền và nghĩa vụ của Công ty với vai trò là Chủ sở hữu Công ty con theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty con và quy định của Công ty hoặc chấp thuận đối với các nội dung phải xin ý kiến theo quy định của Công ty.

5. Chủ động quyết định các nội dung không thuộc thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận của Công ty theo nguyên tắc bảo đảm tối đa lợi ích của Công ty, Công ty con và tuân thủ các quy định pháp luật và quy định nội bộ của Công ty con có liên quan.

6. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định hoặc theo yêu cầu của Công ty.

7. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Quy chế này và các quy định khác có liên quan.

Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Người đại diện vốn tại Công ty con do Công ty sở hữu dưới 100% vốn điều lệ và Doanh nghiệp có vốn góp của Công ty

1. Thực hiện quyền cổ đông, thành viên góp vốn của Công ty theo phạm vi ủy quyền.

2. Tham gia quản trị tại Công ty con và Doanh nghiệp có vốn góp của Công ty, thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo Điều lệ của Công ty con và Doanh

nghiệp có vốn góp của Công ty và các quy định pháp luật, nội bộ của Công ty.

3. Chịu trách nhiệm triển khai chiến lược, nghị quyết, quyết định của Công ty đối với Công ty con và Doanh nghiệp có vốn góp của Công ty, phù hợp với mục tiêu phát triển của Công ty con và Doanh nghiệp có vốn góp của Công ty và lợi ích của các cổ đông và các bên liên quan.

4. Xin ý kiến chấp thuận của Công ty trước khi tham gia ý kiến, biểu quyết và quyết định đối với các nội dung phải xin ý kiến theo quy định của Công ty.

5. Chủ động tham gia ý kiến, biểu quyết và quyết định các nội dung không thuộc các trường hợp phải báo cáo xin ý kiến Công ty theo nguyên tắc bảo đảm tối đa lợi ích của Công ty và Công ty con hoặc Doanh nghiệp có vốn góp của Công ty và tuân thủ các quy định có liên quan.

6. Giám sát hoạt động của Công ty con do Công ty sở hữu dưới 100% vốn điều lệ và Doanh nghiệp có vốn góp của Công ty; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định nội bộ hoặc theo yêu cầu của Công ty.

7. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Quy chế này và các quy định khác có liên quan.

Điều 38. Phối hợp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động trong Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt

1. Các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt phối hợp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động trên nguyên tắc bình đẳng, thỏa thuận giữa các đơn vị độc lập về tư cách pháp nhân vì lợi ích của đơn vị và lợi ích chung của Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt.

2. Công ty quy định chính sách, định hướng phối hợp các lĩnh vực hoạt động trong phạm vi toàn Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt nhằm sử dụng hiệu quả nguồn lực, thế mạnh, nâng cao tính chuyên nghiệp và chuyên môn hóa của các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt nhằm phát huy hiệu quả hoạt động chung toàn Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt.

3. Các doanh nghiệp có vốn góp của Công ty được ưu tiên sử dụng các dịch vụ trong nội bộ Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt theo định hướng của Công ty như: dịch vụ bảo hiểm, dịch vụ ngân hàng, dịch vụ thanh toán, hỗ trợ bán chéo sản phẩm, hoạt động đầu tư, dịch vụ quản lý và kinh doanh bất động sản, dịch vụ công nghệ thông tin, dịch vụ đào tạo, cho thuê tài chính và các dịch vụ khác trên cơ sở các hợp đồng, thỏa thuận sử dụng dịch vụ nội bộ.

4. Người đại diện vốn trong phạm vi thẩm quyền của mình có trách nhiệm

triển khai các chính sách, định hướng phối hợp các hoạt động giữa các đơn vị thành viên nhằm phát huy hiệu quả hoạt động chung của Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt.

CHƯƠNG VII. KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Điều 39. Hệ thống Kiểm soát nội bộ

1. Kiểm soát nội bộ là quy trình do Tập đoàn Bảo Việt ban hành, được áp dụng trong phạm vi Công ty, được thực hiện và duy trì để tạo ra sự đảm bảo hợp lý về khả năng đạt được mục tiêu của Công ty trong việc đảm bảo độ tin cậy của báo cáo tài chính, đảm bảo hiệu quả, hiệu suất hoạt động, tuân thủ pháp luật và các quy định có liên quan.

2. Công ty tổ chức xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ, phân công trách nhiệm thực hiện, thường xuyên kiểm soát việc chấp hành pháp luật và các quy định nội bộ nhằm bảo đảm giám sát hiệu quả sự tuân thủ các quy định pháp luật, các quyết định, nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc, các quy định nội bộ và các quy trình hoạt động.

3. Các cấu phần của hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm:

- a) Môi trường kiểm soát;
- b) Quy trình đánh giá rủi ro;
- c) Hệ thống thông tin;
- d) Các hoạt động kiểm soát;
- e) Giám sát các kiểm soát;
- f) Các nội dung khác có liên quan.

Điều 40. Nguyên tắc kiểm soát nội bộ

Hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty phải được xây dựng dựa trên cơ sở các nguyên tắc sau:

1. Hoạt động kiểm soát nội bộ phải được thiết lập, duy trì đối với mọi hoạt động của Công ty, trong đó tăng cường kiểm soát đối với các hoạt động, nghiệp vụ có rủi ro cao.

2. Lãnh đạo các cấp của Công ty đều phải nhận dạng, đánh giá rủi ro trong hoạt động để có biện pháp kiểm soát rủi ro, quản lý rủi ro thích hợp.

3. Hoạt động kiểm soát nội bộ gắn liền với các hoạt động hàng ngày của Công ty; cơ chế kiểm soát nội bộ được quy định và tổ chức thực hiện ngay trong

gwt

quy trình nghiệp vụ dưới nhiều hình thức như:

a) Cơ chế phân cấp uỷ quyền được thiết lập và thực hiện một cách hợp lý, phân công nhiệm vụ phải rõ ràng, minh bạch; đảm bảo tách bạch nhiệm vụ, quyền hạn của các cá nhân, các bộ phận; tránh các xung đột lợi ích, đảm bảo một cán bộ không đảm nhiệm cùng một lúc những cương vị, nhiệm vụ có mục đích, quyền lợi mâu thuẫn hoặc chông chéo với nhau; đảm bảo cán bộ trong Công ty không có điều kiện để thao túng hoạt động, che giấu thông tin phục vụ các mục đích cá nhân hoặc che giấu các hành vi vi phạm quy định của pháp luật và các quy chế, cơ chế, quy trình nghiệp vụ, quy định nội bộ có liên quan.

b) Cơ chế kiểm tra, giám sát giữa các cá nhân, các bộ phận trong quá trình xử lý quy trình nghiệp vụ.

c) Tuân thủ nguyên tắc kiểm soát kép. Nguyên tắc kiểm soát kép là yêu cầu trong việc phân công nhiệm vụ có ít nhất hai người thực hiện và kiểm tra đối với một công việc nhằm đảm bảo an toàn tài sản và hiệu quả công tác. Không để một cá nhân nào có thể thực hiện và quyết định một quy trình nghiệp vụ, một giao dịch cụ thể, ngoại trừ những giao dịch cho phép phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Đảm bảo mọi cán bộ đều phải quán triệt được tầm quan trọng của hoạt động kiểm soát nội bộ và vai trò của từng cá nhân trong quá trình kiểm soát nội bộ; đồng thời phải tham gia thực hiện một cách đầy đủ, có hiệu quả các quy định, quy trình nghiệp vụ có liên quan. Người đại diện vốn của Công ty có trách nhiệm triển khai và báo cáo kết quả thực hiện các chủ trương, chính sách và quy định về kiểm soát nội bộ của Công ty tại Công ty con và Doanh nghiệp có vốn góp của Công ty.

Điều 41. Kiểm toán nội bộ

Kiểm toán nội bộ là một bộ phận trong cơ cấu quản trị của Công ty, cung cấp những đánh giá độc lập, khách quan cho Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc về hệ thống kiểm soát, quản lý rủi ro và quản trị doanh nghiệp, hoạt động kinh doanh tại Công ty và các Công ty con do Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ và hoạt động của người Người đại diện vốn tại các Công ty con do Công ty sở hữu dưới 100% vốn điều lệ và Doanh nghiệp có vốn góp của Công ty.

Những đánh giá này được tiến hành thông qua hoạt động kiểm toán nội bộ và cung cấp các đề xuất mang tính thực tế và hiệu quả để hoàn thiện hoạt động kiểm soát và nâng cao hiệu quả hoạt động của Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt.



CHƯƠNG VIII. NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng Quản trị các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc nghị quyết Hội đồng Quản trị thông qua các giao dịch nêu trên trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ trên trang thông tin điện tử của Công ty và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

4. Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới thành viên nêu trên, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

5. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, bao gồm các giao dịch mà lợi ích vật chất hay phi vật chất của thành viên Hội đồng Quản trị đó chưa được xác định. Các giao dịch nêu trên phải được công bố trong Báo cáo thường niên của Công ty.

6. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

M

01117
HỘI
VIỆ
TP. H

Điều 43. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện theo đúng quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể và công bố thông tin cho cổ đông khi có yêu cầu.

2. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Công ty và gây tổn hại cho lợi ích của Công ty thông qua việc kiểm soát các kênh mua, bán hàng hoá của Công ty hay lũng đoạn giá cả.

3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công ty. Công ty không được cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan.

Điều 44. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty

1. Công ty phải tôn trọng quyền lợi hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, người tiêu dùng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến Công ty.

2. Công ty cần hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến Công ty thông qua việc:

a) Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của Công ty và đưa ra quyết định;

b) Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc.

3. Công ty phải tuân thủ các quy định về lao động, môi trường, hoạt động có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

Điều 45. Đào tạo về quản trị Công ty

Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Thư ký Công ty và các cán bộ quản lý của Công ty phải tham gia các khóa đào tạo về quản trị Công ty tại các cơ sở đào tạo được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận.

20

CHƯƠNG IX. BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 46. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Công ty công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Công ty cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Ngoài ra, Công ty sẽ thực hiện công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

3. Công ty chỉ định và quy định cụ thể về trách nhiệm của Người công bố thông tin và Người phát ngôn của Công ty.

Điều 47. Công bố thông tin về quản trị Công ty

1. Công ty thực hiện công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong Báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Công ty thực hiện báo cáo định kỳ và công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty theo đúng nội dung và thời hạn quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 48. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc

Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 42 Quy chế này, thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo và công bố thông tin về giao dịch trong các trường hợp sau:

1. Các giao dịch giữa Công ty với Công ty mà các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc trong thời gian ba (03) năm trước.

2. Các giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó người liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc hoặc cổ đông lớn.

3. Các giao dịch có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với các thành viên nêu trên.



CHƯƠNG X. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 49. Hiệu lực của Quy chế

1. Khi có sự khác biệt giữa Quy chế so với Điều lệ Công ty và/hoặc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, thì Điều lệ Công ty và/hoặc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông sẽ được ưu tiên áp dụng.

2. Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm chủ trì tổ chức sửa đổi, bổ sung Quy chế này khi các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thay đổi quy định pháp luật về quản trị áp dụng đối với Công ty niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Đào Đình Thi